

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **100/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 05/7/2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Bích Phi, bà Lê Thị Bích Phượng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04/5/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Phan Tứ H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hiện đang sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Lê Thị Thu V, sinh ngày 09/01/2008 và Lê Nguyên V, sinh ngày 22/10/2013. Khi ly hôn, chị H có

nguyện vọng được nuôi hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Phan Tứ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị H về việc kết hôn và con chung. Về nguyên nhân chị H ly hôn, anh cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay vợ chồng không sống chung nên chị H ly hôn thì anh H đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh H có hai con chung như chị H khai là đúng. Khi ly hôn, anh cũng có nguyện vọng nuôi hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tuy nhiên, các con có nguyện vọng ở với mẹ và hiện nay đang sinh sống, học hành ổn định nên anh đồng ý giao hai con cho chị H nuôi và cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Phan Tứ H. Về nuôi con: Giao hai cháu Lê Thị Thu V, sinh ngày 09/01/2008 và Lê Nguyên V, sinh ngày 22/10/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện ly hôn, tranh chấp con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật. Anh Lê Phan Tứ H có nơi cư trú tại xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam nên căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn chị

H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình hòa giải, chị H và anh H thuận tình ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự là đúng quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con: Chị H và anh H có hai người con chung là Lê Thị Thu V, sinh ngày 09/01/2008 và Lê Nguyên V, sinh ngày 22/10/2013. Anh H cũng có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H thay đổi ý kiến chấp nhận giao hai con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với yêu cầu của chị H và nguyện vọng của các con là được ở với mẹ. Vì vậy, giao hai cháu Lê Thị Thu V và Lê Nguyên V cho chị H nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo quyền lợi của các con và đúng quy định của pháp luật. Chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng và được anh H đồng ý nên chấp nhận yêu cầu của chị H. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh H phải chi án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Phan Tứ H.

Về nuôi con: Giao hai cháu Lê Thị Thu V, sinh ngày 09/01/2008 và Lê Nguyên V, sinh ngày 22/10/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi.

Anh Lê Phan Tứ H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 (*Một triệu*) đồng/tháng cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0004079 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh Lê Phan Tứ H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/7/2021); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phú Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã Tam Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành

